

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/HS-ST
Ngày 30 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Liêm và bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 103/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoài Hận E, sinh ngày 25/3/2001, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Lê Thanh S, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Ngày 11/01/2024, bị Công an nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 1.500.000 đồng, nộp phạt ngày 11/01/2024.

Tiền án: không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/5/2024 đến ngày 05/6/2024 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Kiều Nhuận P, sinh ngày 02/4/2006, tại huyện C, tỉnh An Giang (tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo được 17 tuổi, 10 tháng, 18 ngày); nơi cư trú: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979 (đã chết) và bà Trần Thị Bé T1, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Ngày 02/3/2023, bị Công an nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với số tiền 750.000 đồng, nộp phạt ngày 02/4/2023.

Tiền án: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 19/8/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Bà Lâm Thị N, sinh năm 1945; nơi cư trú: số B, khóm T3, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

2. Cháu Nguyễn Trần Nguyên K, sinh ngày 03/7/2009; nơi cư trú: số B, khóm T3, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Trần Nguyên K: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; nơi cư trú: số B, khóm T3, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (là mẹ ruột) (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1980; nơi cư trú: khóm Thị 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2024) (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Trần Thị Bé T1, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

- *Người làm chứng:*

+ Ông Đặng Thái M (vắng mặt);

+ Ông Trần Quốc H1 (vắng mặt);

+ Cháu Nguyễn Minh L, sinh năm 2009 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Minh L: Bà Nguyễn Thị P1 (mẹ ruột) (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Văn T2 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, khoảng 23 giờ ngày 19/02/2024, Nguyễn Hoài H2 Em ruột Nguyễn Kiều Nhuận P đi đến khu vực thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang tìm tài sản để trộm cắp, P đồng ý. Trên đường đi bộ thì gặp bạn tên Nguyễn Văn T2 điều khiển xe mô tô chạy hướng từ xã K đến thị trấn C, nên Hận E và P xin đi nhờ xe của T2, đến cầu K thuộc khóm Thị 2, thị trấn C, thì xuống xe, tiếp tục đi bộ để tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 02 giờ ngày 20/02/2024, Hận E và P đến trước cửa nhà Lâm Thị N thuộc khóm T, trấn C, quan sát thấy cửa rào trước nhà có khóa, nhưng cửa ra vào nhà không khóa

(do ổ khóa bị hư hỏng), nên Hận E kêu P đứng bên ngoài canh giới để Hận Em trèo qua cửa rào, lén lút đi vào trong nhà lấy trộm của Lâm Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, loại Fami 60 4G, màu vàng, gắn 01 sim điện thoại mạng Mobifone có số thuê bao 0932087548; 01 hộp nhựa hình trụ tròn, màu đỏ - vàng, bên trong có 01 ví vải màu đen để số tiền 8.500.000 đồng và lấy trộm của Nguyễn Trần Nguyên K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi, N P, Rom 256 GB, màu xanh, gắn 01 sim điện thoại mạng Mobifone có số thuê bao 0785195661, rồi Hận E đi ra khỏi nhà. Do không gặp P, nên Hận E đi bộ về hướng xã K, ném bỏ 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel, loại Fami 60 4G; 01 hộp nhựa và 01 ví vải xuống sông cầu ông C (do Hận E cho rằng các tài sản này không có giá trị). Tại đây, Hận E gặp và chia cho P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi, N P, Rom 256 GB; số tiền 2.000.000 đồng và trả áo khoác đã mượn P trước đó; còn lại 6.500.000 đồng Hận Em giữ, tiêu xài. Nhan, K phát hiện bị mất trộm tài sản, nên trình báo Công an nhân dân thị trấn C.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi, N P, Rom 256 GB, màu xanh, đã trao trả cho Nguyễn Trần Nguyên K; 01 áo khoác vải màu đen của Nguyễn Kiều Nhuận P.

Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS.TTHS ngày 18/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 Pro, Rom 256 GB, màu xanh (đã qua sử dụng, đang sử dụng), trị giá 4.500.000 đồng;

+ 01 (một) điện thoại di động phím bấm, nhãn hiệu Masstel, loại Fami 60 4G, màu vàng (đã qua sử dụng, đang sử dụng), trị giá 100.000 đồng;

+ 01 (một) cái hộp nhựa, hình trụ tròn, màu đỏ - vàng, kích thước đường kính đáy 16cm, đường kính miệng 18cm, chiều cao 16cm, (đã qua sử dụng, đang sử dụng), trị giá 10.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản 4.610.000 đồng.

Thông báo số 06/TB-HĐĐG.TTHS ngày 02/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định không có cơ sở để xác định giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt đối với: 02 sim điện thoại mạng Mobifone có số thuê bao 0785195661 và 0932087548; 01 ví vải màu đen (tất cả đã qua sử dụng, đang sử dụng), do tài sản cần định giá không thu hồi được và người bị hại không cung cấp được thông tin liên quan đến tài sản.

Ngày 05/6/2024, bị cáo Nguyễn Hoài Hận E bị khởi tố, điều tra.

Ngày 19/8/2024, bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P bị khởi tố, điều tra.

Tại Cáo trạng số 86/CT-VKSCM ngày 29/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em và Nguyễn Kiều Nhuận P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Hoài Hận E thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung của Cáo trạng, không oan và trình bày: Do cần tiền tiêu sài và sử dụng ma túy nên bị cáo rủ bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P đi trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo là người đột nhập vào nhà của người bị hại để chiếm đoạt tài sản, bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P là người đứng bên ngoài canh giới. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo được hưởng lợi 6.500.000 đồng; bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P được hưởng lợi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 Pro và số tiền 2.000.000 đồng; đối với ví vải, hộp nhựa và điện thoại di động nhãn hiệu Masstel bị cáo đã ném bỏ. Chỉ có bị cáo và bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung của Cáo trạng, không oan và trình bày: Do cần tiền tiêu sài và sử dụng ma túy nên khi bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em rủ bị cáo đi trộm cắp tài sản của người khác thì bị cáo đồng ý. Bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em là người đột nhập vào nhà của người bị hại để chiếm đoạt tài sản, bị cáo đứng bên ngoài canh giới. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em được hưởng lợi 6.500.000 đồng; bị cáo được hưởng lợi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 Pro và số tiền 2.000.000 đồng; đối với ví vải, hộp nhựa và điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thì bị cáo không biết bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em ném bỏ ở đâu. Chỉ có bị cáo Nguyễn Hoài Hận E và bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung của Cáo trạng. Sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất vụ án, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, phát biểu lời luận tội và quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị với Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P từ 07 (bảy) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại Lâm Thị N số tiền 8.600.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác vải màu đen của Nguyễn Kiều Nhuận P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng và chứng cứ trong hồ sơ vụ án: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[1.2] Đối với Nguyễn Minh L:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P tại Biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2024 (BL: 117-117A), Biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2024 (BL: 118-121), Tờ tự khai ngày 23/02/2024 (BL: 123), Tờ tự khai ngày 23/02/2024 (BL: 124), Tờ tự khai ngày 23/02/2024 (BL: 125), Biên bản nhận dạng ngày 23/02/2024 (BL: 127) xác định ngày 20/02/2024, Nguyễn Minh L là người cùng đi trộm với bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Tuy nhiên, tại Biên bản ghi lời khai ngày 19/8/2024 (BL: 129-130), Tờ tự khai ngày 19/8/2024 (BL: 131), Tờ tự khai ngày 20/8/2024 (BL: 132), Biên bản ghi lời khai ngày 20/8/2024 (BL: 133-135), Biên bản ghi lời khai ngày 23/8/2024 (BL: 137-139) và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P xác định, chỉ có bị cáo cùng với bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại; Nguyễn Minh L không có tham gia trộm cắp tài sản của người bị hại.

Lời khai của bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, chỉ có bị cáo cùng với bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại; Nguyễn Minh L không có tham gia trộm cắp tài sản của người bị hại.

Do đó, không đủ căn cứ xác định Nguyễn Minh L có tham gia trộm cắp tài sản của người bị hại cùng với các bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em và Nguyễn

Kiều Nhuận P nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C không xử lý đối với Nguyễn Minh L là phù hợp.

[1.3] Đối với Nguyễn Văn T2, các bị cáo Nguyễn Hoài Hận E và Nguyễn Kiều Nhuận P đều xác định chỉ đi nhờ xe của Nguyễn Văn T2 đến khu vực cầu K thuộc khu vực khóm T4, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang thì xuống xe; các bị cáo không có bàn bạc, không nói cho Nguyễn Văn T2 biết các bị cáo đi trộm cắp tài sản của người khác nên Nguyễn Văn T2 không biết việc các bị cáo đi trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C không xử lý đối với Nguyễn Văn T2 là phù hợp.

[1.4] Đối với 02 (hai) sim điện thoại và 01 (một) ví vải mà các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại, ngày 14/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện C đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C định giá đối với các tài sản này. Tuy nhiên, do không thu hồi được tài sản (02 (hai) sim điện thoại và 01 (một) ví vải), người bị hại không có thông tin liên quan đến tài sản bị chiếm đoạt nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C không xác định được giá trị các tài sản này. Đồng thời, sim điện thoại là tài sản gắn liền với nhân thân của người bị hại nên đã được người bị hại khôi phục lại sim điện thoại để sử dụng; riêng bị hại Lâm Thị N xác định ví vải không có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[1.5] Tại phiên tòa, người bị hại và người làm chứng vắng mặt không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của người bị hại và người làm chứng không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và đã được đối chất, kiểm chứng tại phiên tòa; phù hợp lời khai của người bị hại và người làm chứng về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và vật chứng được thu giữ; phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 11/3/2024; Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS.TTHS ngày 18/3/2024 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 20/02/2024, tại số B, khóm T3, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, các bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em và Nguyễn Kiều Nhuận P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 8.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, loại Fami 60 4G, trị giá 100.000 đồng; 01 cái hộp nhựa, trị giá 10.000 đồng của bà Lâm Thị N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 Pro, Rom 256 GB, trị giá 4.500.000 đồng của cháu Nguyễn Trần Nguyên K. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 13.110.000 đồng.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, hành vi của các bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em và Nguyễn Kiều Nhuận P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, có khung hình phạt từ 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù, là tội phạm ít nghiêm trọng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em và Nguyễn Kiều Nhuận P về Tội danh và Điều luật đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Tài sản hợp pháp của công dân phải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Vì lẽ đó, quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật, đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng biện pháp chế tài nghiêm khắc nhất, là hình phạt.

Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại nên thuộc trường đồng phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân hóa hành vi, vai trò của từng bị cáo để khi quyết định có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đầu tiên là bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu và lớn tuổi hơn bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P. Lẽ ra, bị cáo phải biết ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm pháp luật của bản thân, cố gắng rèn luyện phẩm chất đạo đức, chăm chỉ lao động để tạo ra của cải vật chất một cách chính đáng để nuôi sống bản thân, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng bị cáo không làm được điều đó, với lối sống thiếu rèn luyện, lười lao động, nhưng lại muốn có nhiều tiền tiêu xài mà không phải tốn nhiều công sức lao động cực nhọc, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật với tính chất, mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn. Để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, bị cáo là người rủ rê, lôi kéo bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò tích cực, trực tiếp đột nhập vào nhà người bị hại để chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 13.110.000 đồng; hưởng lợi 6.500.000 đồng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm của bản thân; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người rủ rê, lôi kéo bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P thực hiện hành vi phạm tội; khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P được 17 tuổi, 10 tháng, 18 ngày nên hành vi của bị cáo Nguyễn Hoài Hân E đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P, bản thân là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và có nhân thân xấu. Lẽ ra, bị cáo phải biết ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm pháp luật của bản thân, cố gắng lao động để tạo ra của cải vật chất một cách chính đáng để nuôi sống bản thân, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Không làm được điều này, với lối sống thiếu rèn luyện, bị cáo sa vào con đường phạm tội, chỉ vì cần tiền để tiêu xài và sử dụng ma túy, khi được bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em rủ rê tham gia trộm cắp tài sản của người khác thì bị cáo đã đồng ý. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo tham gia với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em, bị cáo là người cảnh giới cho bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em đột nhập vào nhà của người bị hại chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 13.110.000 đồng; hưởng lợi 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 Pro, R 256 GB.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm của bản thân. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên nên Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của những người bị hại một cách trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần phải có một mức hình phạt nghiêm tương xứng hành vi, vai trò của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em phạm tội với tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P khi thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người rủ rê, lôi kéo bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P thực hiện hành vi phạm tội và bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm

2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em cao hơn mức hình phạt của bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo là những người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người bị hại thì các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Đối với người bị hại Nguyễn Trần Nguyên K, cháu Nguyễn Trần Nguyên K đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với bị hại Lâm Thị N, bà Lâm Thị N yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 8.500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Masstel, loại Fami 60 4G, trị giá 100.000 đồng, tổng cộng 8.600.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này cho người bị hại Lâm Thị N. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, các bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em và Nguyễn Kiều Nhuận P phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Lâm Thị N số tiền 8.600.000 đồng.

Đối với 02 sim điện thoại, 01 cái hộp nhựa và 01 cái ví vải, do người bị hại không yêu cầu các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với bà Trần Thị Bé T1, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P là người chưa thành niên (được 17 tuổi, 10 tháng, 18 ngày) nên bà Trần Thị Bé T1 (mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P) phải có nghĩa vụ liên đới với bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P để bồi thường cho người bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, có thu giữ được nhiều vật chứng khác nhau nên cần phân hóa để xử lý như sau:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 13 Pro, Rom 256 GB, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C trao trả cho người bị hại Nguyễn Trần Nguyên K nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với 01 (một) áo khoác vải màu đen, đây là tài sản của bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P nhưng bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ trả lại tài sản chiếm đoạt cho người bị hại nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài Hận E và bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 30/5/2024.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 19/8/2024.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoài H2 Em và bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Lâm Thị N số tiền 8.600.000 (Tám triệu, sáu trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P không đủ tài sản để bồi thường thì bà Trần Thị Bé T1 có nghĩa vụ bồi thường phần còn thiếu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo khoác vải màu đen (đã qua sử dụng).

(Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/9/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân huyện Chợ Mới)

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hoài Hận E và bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hoài Hận E và bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P phải chịu 430.000 (bốn trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Hoài Hận E, bị cáo Nguyễn Kiều Nhuận P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh An Giang;
- CQTHAHS Công an huyện Chợ Mới;
- CQĐT Công an huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang

